

Bản án số: 91/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-7-2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Thành

Ông Ngô Văn Bê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thanh Hảo - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 21 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 20/4/2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Chị Đồng Thị H, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn G, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H kết hôn ngày 27/9/2004 tại Ủy ban nhân

dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Anh chị được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn thì chị H về làm dâu và sống cùng gia đình nhà chồng đến khoảng năm 2012 thì chị H đi nước ngoài. Ban đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng một khoảng thời gian sau thì vợ chồng ít liên lạc dần và ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi vợ chồng ở một nơi, không quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm sống và không còn tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện nay anh chị không còn liên lạc với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đồng Thị H.

Về địa chỉ của chị H ở bên nước ngoài thì anh không biết do anh chị đã lâu không liên lạc. Anh có tìm thông tin thông qua thân nhân chị H nhưng không cung cấp được. Do vậy, anh đề nghị Tòa án tiến hành xác minh địa chỉ của chị H thông qua thân nhân của chị H là ông Đồng Minh C, bà Đồng Thị D; Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Về con chung: Anh chị không có con chung nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn là chị Đồng Thị H hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể.* Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với chị Đồng Thị H, đến nay không nhận được bất cứ văn bản nào của chị H.

Ngày 21/4/2021 và ngày 07/5/2021, Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua bố đẻ của chị H là ông Đồng Minh C, sinh năm 1962. Địa chỉ: Thôn G, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang, ông C có quan điểm trình bày:

Ông là bố đẻ của chị H, hiện nay chị H đang đi lao động tại Đài Loan được khoảng 9 năm không có mặt ở tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình ông. Về địa chỉ của chị H ở bên nước ngoài thì ông không biết nên không cung cấp cho Tòa án được. Tòa án yêu cầu gia đình ông thông báo để chị H gửi quan điểm về thì gia đình ông từ chối thực hiện. Về việc anh T xin ly hôn thì chị H không có quan điểm gì trao đổi với gia đình ông, nhưng vài năm trước đây chị H có hỏi về thủ tục xin ly hôn với anh T nhưng chị H đi nước ngoài nên không làm thủ tục ly hôn được. Về con chung: Không có. Về tài sản chung, công nợ chung: Ông không biết về việc chị H và anh T có tài sản chung hay công nợ chung không. Ông chỉ biết chị H và anh T có xây dựng ngôi nhà 01 tầng. Gia đình ông đề nghị nếu anh T giải quyết ly hôn với chị H thì phải giải quyết về tài sản.

* *Tại phiên tòa sơ thẩm*, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Đồng Thị H vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn vắng mặt không có lý do không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Đồng Thị H.

Về con chung: Anh T trình bày không có con chung, không yêu cầu nên không xem xét;

Về tài sản chung, công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn T khởi kiện xin ly hôn đối với chị Đồng Thị H. Bị đơn chị Đồng Thị H là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang nhưng đang cư trú lao động ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Theo công văn số 7919/QLXNC-P5 ngày 05/4/2021 của Cục quản lý xuất nhập cảnh-Bộ Công an cung cấp thì chị Đồng Thị H đã xuất cảnh ra nước ngoài ngày 28/5/2015, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của chị H. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Do vụ án có bị đơn ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Anh Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Đồng Thị H vắng mặt không có lý do. Qua xác minh người thân hai lần nhưng gia đình chị H vẫn không cung cấp địa chỉ của chị H ở nước ngoài. Do vậy, Tòa án đã niêm yết tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho chị Đồng Thị H theo quy định tại khoản 5 Điều 177; Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nền căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T, chị Đồng Thị H.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Theo như anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị H kết hôn ngày 27/9/2004 tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Anh chị được tự do tìm hiểu và tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn thì chị H về làm dâu và sống cùng gia đình nhà chồng đến khoảng năm 2012 thì chị H đi nước ngoài. Ban đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau nhưng một khoảng thời gian sau thì vợ chồng ít liên lạc dần và ngày càng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do mỗi vợ chồng ở một nơi, không quan tâm đến nhau, bất đồng quan điểm sống và không còn tiếng nói chung trong cuộc sống. Hiện nay anh và chị H không còn liên lạc với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đồng Thị H.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T, Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Văn T và chị Đồng Thị H là hợp pháp. Hiện nay anh Nguyễn Văn T và chị Đồng Thị H mỗi người sống một nơi, xa cách về địa lý và không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa, vợ chồng mâu thuẫn cắt đứt liên lạc. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả anh Nguyễn Văn T và chị Đồng Thị H đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn T và chị Đồng Thị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Đồng Thị H.

[4]. Về con chung: Anh Nguyễn Văn T trình bày không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Đồng Thị H.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000021 ngày 16/4/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Đồng Thị H hiện đang cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã Đ, huyện Y;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

